

UBND HUYỆN CẨM XUYỀN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HƯỞNG CHẾ ĐỘ CHI PHÍ HỌC TẬP

Học kỳ I năm 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ -UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên)

ĐVT: 1.000, đồng

TT	Đơn vị	Học kỳ I năm học 2022-2023				Mức hỗ trợ 150.000,đ	Tổng cộng		Ghi chú
		Đối tượng			Số tháng hỗ trợ		Đối tượng	Kinh phí	
		TE mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	TE mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở GDTX theo CTGDPT bị khuyết tật	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ					
A	B	1	2	3	4	5	6	7=(5*6)*4	8
	Tổng số	10	111	655			770	462.300	0
A	MÀM NON	0	10	115			125	75.000	0
1	Cẩm Minh		1	6	4	150	7	4.200	
2	Cẩm Lạc		2	3	4	150	5	3.000	
3	Cẩm Lĩnh			5	4	150	5	3.000	
4	Cẩm Lộc			0	4	150	0	0	
5	Cẩm Sơn			4	4	150	4	2.400	
6	Cẩm Thịnh			13	4	150	13	7.800	

A	B	1	2	3	4	5	6	7=(5*6)*4	8
7	Nam Phúc Thăng 2			4	4	150	4	2.400	
8	Cắm Thạch			5	4	150	5	3.000	
9	Cắm Dương		1	1	4	150	2	1.200	
10	Yên Hòa			3	4	150	3	1.800	
11	Cắm Thành			4	4	150	4	2.400	
12	Cắm Mỹ			16	4	150	16	9.600	
13	Cắm Quan		2	6	4	150	8	4.800	
14	Cắm Trung			3	4	150	3	1.800	
15	Cắm Hà			13	4	150	13	7.800	
16	Cắm Hưng			1	4	150	1	600	
17	Nam Phúc Thăng 1			6	4	150	6	3.600	
18	TT Thiên Cầm			5	4	150	5	3.000	
19	Cắm Nhượng			7	4	150	7	4.200	
20	TT Cắm Xuyên		1	0	4	150	1	600	
21	Cắm Quang		2	4	4	150	6	3.600	
22	Cắm Bình				4	150	0	0	
23	Cắm Vịnh			1	4	150	1	600	
24	Lê Duẩn		1	5	4	150	6	3.600	
B	TIỂU HỌC	5	63	289	101		351	210.900	
1	Cắm Minh		0	9	4	150	9	5.400	
2	Cắm Lạc		3	11	4	150	14	8.400	
3	Cắm Trung		3	19	4	150	22	13.200	
4	Cắm Lĩnh		1	7	4	150	8	4.800	

A	B	1	2	3	4	5	6	7=(5*6)*4	8
4	Cầm Lĩnh		0	2	5	150	2	1.500	
5	Cầm Lộc	1	1	9	4	150	11	6.600	
6	Cầm Hà		5	17	4	150	21	12.600	
7	Cầm Sơn		2	2	4	150	3	1.800	
8	Cầm Thịnh			21	4	150	21	12.600	
9	Cầm Hưng		2	5	4	150	7	4.200	
10	Nam Phúc Thăng 1		9	11	4	150	20	12.000	
11	Nam Phúc Thăng 2			13	4	150	13	7.800	
12	TT Thiên Cầm		3	15	4	150	18	10.800	
13	Cầm Nhượng		3	27	4	150	30	18.000	
14	Cầm Dương		0	7	4	150	7	4.200	
15	Yên Hòa		3	10	4	150	13	7.800	
16	TT Cầm Xuyên 2		0	8	4	150	8	4.800	
17	TT Cầm Xuyên 1		6	1	4	150	7	4.200	
18	Cầm Quang	1	2	18	4	150	21	12.600	
19	Cầm Bình		5	9	4	150	14	8.400	
20	Cầm Vĩnh		4	6	4	150	10	6.000	
21	Cầm Thành		2	10	4	150	12	7.200	
22	Cầm Thạch		2	9	4	150	11	6.600	
23	Cầm Mỹ	2	2	32	4	150	32	19.200	
24	Cầm Duệ	1	5	11	4	150	17	10.200	
C	THCS	5	38	251			294	176.400	
1	Minh Lạc		3	13	4	150	16	9.600	

A	B	1	2	3	4	5	6	7=(5*6)*4	8
2	Cầm Trung	1	1	15	4	150	17	10.200	
3	Son Hà		3	15	4	150	18	10.800	
4	Cầm Thịnh		2	15	4	150	17	10.200	
5	Hà Huy Tập		2	10	4	150	12	7.200	
6	Nam Phúc Thăng		2	16	4	150	18	10.800	
7	TT Thiên Cầm		1	13	4	150	14	8.400	
8	Cầm Nhượng		3	35	4	150	38	22.800	
9	Cầm Dương		1	18	4	150	19	11.400	
10	Yên Hòa		2	12	4	150	14	8.400	
11	TT Cầm Xuyên			4	4	150	4	2.400	
12	Nguyễn Hữu Thái	1	3	19	4	150	23	13.800	
13	Cầm Bình		3	3	4	150	6	3.600	
14	Đại Thành	2	1	15	4	150	18	10.800	
15	Mỹ Duệ		5	15	4	150	20	12.000	
16	TH&THCS Phan Đình Giót	1	6	33	4	150	40	24.000	

Danh sách này có 768 em (trong đó có 2 em phê duyệt 9 tháng tại trường TH Cầm Lĩnh)

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn.